

Phụ lục
BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU
TRONG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. NỘI DUNG BỘ TIÊU CHÍ

Tiêu chí 1. Nhận thức và quán triệt chủ trương, chính sách (0 - 4 điểm)

Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Phương pháp đánh giá	Bằng chứng đánh giá
1.1. Nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KH-CN-ĐMST-CĐS)	0-1	Phỏng vấn, kiểm tra kiến thức, khảo sát nhận thức	Biên bản phỏng vấn; phiếu khảo sát; biên bản họp
1.2. Chủ động, gương mẫu trong triển khai nhiệm vụ	0-1	Đánh giá qua kết quả công việc, phản hồi cấp dưới	Báo cáo thành tích; ý kiến nhận xét của cấp dưới
1.3. Truyền đạt, phổ biến chủ trương, chính sách đến CBCC	0-1	Kiểm tra số lượng, chất lượng các buổi phổ biến	Kế hoạch; biên bản; tài liệu truyền đạt, hình ảnh minh chứng
1.4. Cập nhật, điều chỉnh nhận thức theo thực tiễn	0-1	Đánh giá qua các văn bản cập nhật, điều chỉnh	Văn bản điều chỉnh; kế hoạch cập nhật; báo cáo tổng kết

Tiêu chí 2. Lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và chịu trách nhiệm kết quả (0 - 40 điểm)

Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Phương pháp đánh giá	Bằng chứng đánh giá
2.1. Trực tiếp chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể	0-10	Xem xét quyết định phân công giao việc, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo chương trình/kế hoạch	Quyết định phân công; Chương trình/kế hoạch thực hiện nhiệm vụ
2.2. Kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả	0-10	Kiểm tra lịch họp, báo cáo tiến độ, nhật ký công tác	Báo cáo tiến độ; biên bản kiểm tra; nhật ký công tác
2.3. Chịu trách nhiệm trước cấp trên, báo cáo kết quả	0-10	Đối chiếu báo cáo định kỳ, phỏng vấn cấp trên	Báo cáo gửi cấp trên; ý kiến nhận xét của cấp trên
2.4. Đánh giá, rút kinh nghiệm, điều chỉnh kế hoạch	0-10	Xem xét biên bản họp rút kinh nghiệm, kế hoạch điều chỉnh	Biên bản họp; tài liệu điều chỉnh; báo cáo tổng kết

Tiêu chí 3. Xác định nhiệm vụ phù hợp, rõ ràng và khả thi (0 - 4 điểm)

Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Phương pháp đánh giá	Bằng chứng đánh giá
3.1. Xác định nhiệm vụ phù hợp với chủ trương, chính sách	0-1	Đối chiếu chương trình/kế hoạch với chủ trương, chính sách	Chương trình/kế hoạch công tác; văn bản đối chiếu
3.2. Rõ ràng về nội dung, mục tiêu, kết quả	0-1	Đánh giá nội dung chương trình/kế hoạch, mục tiêu, kết quả cụ thể	Chương trình/kế hoạch; tiêu chí đánh giá kết quả
3.3. Rõ ràng về trách nhiệm, phân công thực hiện	0-1	Kiểm tra phân công trách nhiệm trong chương trình/kế hoạch	Bảng phân công nhiệm vụ hoặc nội dung tổ chức thực hiện trong chương trình/kế hoạch
3.4. Khả thi về nguồn lực, điều kiện thực hiện	0-1	Đánh giá nguồn lực, phân tích SWOT	Báo cáo phân tích tính khả thi của nhiệm vụ hoặc Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác hàng năm

Tiêu chí 4. Tổ chức quán triệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KHCN-ĐMST-CDS (0 - 4 điểm)

Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Phương pháp đánh giá	Bằng chứng đánh giá
4.1. Tổ chức các hội nghị quán triệt, tập huấn	0-1	Kiểm tra số lượng, chất lượng các hội nghị, tập huấn	Biên bản hoặc tài liệu hội nghị, tập huấn; hình ảnh minh chứng
4.2. Đảm bảo CBCC hiểu rõ mục tiêu, nhiệm vụ	0-1	Khảo sát, phỏng vấn CBCC	Phiếu khảo sát hoặc biên bản phỏng vấn
4.3. Khuyến khích tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm	0-1	Đánh giá số lượng sáng kiến, đề xuất mới	Danh sách sáng kiến; báo cáo tổng hợp ý tưởng
4.4. Đánh giá hiệu quả quán triệt, điều chỉnh kịp thời	0-1	Đánh giá phản hồi, kết quả sau hội nghị, tập huấn	Báo cáo tổng kết; phiếu phản hồi; biên bản điều chỉnh

Tiêu chí 5: Chỉ đạo rà soát, xây dựng, hoàn thiện văn bản tạo điều kiện cho phát triển KH-CN-ĐMST-CĐS (0 - 4 điểm)

Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Phương pháp đánh giá	Bằng chứng đánh giá
5.1. Rà soát các văn bản hiện hành	0-1	Đánh giá số lượng, chất lượng rà soát	Báo cáo rà soát; danh mục văn bản đã rà soát
5.2. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản	0-1	Kiểm tra số lượng văn bản mới, sửa đổi	Văn bản ban hành; quyết định sửa đổi, biên bản họp
5.3. Tạo điều kiện pháp lý thông thoáng	0-1	Đánh giá hiệu quả áp dụng văn bản	Báo cáo về hiệu quả thực hiện theo phản hồi tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản
5.4. Theo dõi, đánh giá tác động của văn bản	0-1	Đánh giá tác động qua khảo sát, báo cáo	Báo cáo tác động; phiếu khảo sát tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản

Tiêu chí 6. Đột phá về phát triển KHCN-ĐMST-CDS (0 - 4 điểm)

Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Phương pháp đánh giá	Bằng chứng đánh giá
6.1. Chủ trì xác định các mũi đột phá	0-1	Kiểm tra tài liệu xác định mũi đột phá	Biên bản họp; tài liệu xác định mũi đột phá
6.2. Xây dựng đề án đột phá	0-1	Đánh giá đề án, kế hoạch triển khai	Đề án; kế hoạch thực hiện; quyết định phê duyệt
6.3. Triển khai thực hiện đề án đột phá hiệu quả	0-1	Đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện	Báo cáo tiến độ; sản phẩm đề án, kết quả nghiệm thu
6.4. Đánh giá, báo cáo kết quả, rút kinh nghiệm	0-1	Kiểm tra báo cáo tổng kết, biên bản rút kinh nghiệm	Báo cáo tổng kết; biên bản họp rút kinh nghiệm

Tiêu chí 7. Bố trí nguồn lực cho phát triển KH-CN-ĐMST-CDS (0 - 4 điểm)

Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Phương pháp đánh giá	Bằng chứng đánh giá
7.1. Bố trí ngân sách phù hợp	0-1	Phân tích hiệu quả kinh tế; đánh giá việc phân bổ ngân sách dựa trên mức độ hoàn thành các mục tiêu đề ra; so sánh chi tiêu ngân sách thực tế với dự toán ngân sách đã được phê duyệt.	Văn bản pháp quy về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách; Số liệu các khoản thu, chi ngân sách; Quyết định phân bổ dự toán.
7.2. Bố trí nhân lực đủ số lượng, chất lượng	0-1	Đánh giá cơ cấu tổ chức, hồ sơ nhân sự	Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức; hồ sơ đào tạo CBCC; quyết định hoặc bảng phân công nhiệm vụ.
7.3. Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng	0-1	Kiểm tra thực tế, báo cáo đầu tư	Báo cáo đầu tư; biên bản kiểm tra; hình ảnh hiện trường
7.4. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực	0-1	Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực	Báo cáo hiệu quả; phiếu đánh giá nội bộ

Tiêu chí 8. Bố trí cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật, chuyên đổi số trong đội ngũ lãnh đạo (0 - 6 điểm)

Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Phương pháp đánh giá	Bằng chứng đánh giá
8.1. Tỷ lệ CBCC lãnh đạo có chuyên môn khoa học kỹ thuật, chuyên đổi số trong đội ngũ lãnh đạo ($\geq 25\%$)	0-3	Xem xét lý lịch khoa học của tất cả thành viên đội ngũ lãnh đạo và đánh giá tỷ lệ bố trí CBCC lãnh đạo có chuyên môn khoa học kỹ thuật, chuyên đổi số.	Danh sách đội ngũ lãnh đạo; lý lịch khoa học của các thành viên trong đội ngũ lãnh đạo (Kết quả/sản phẩm minh chứng có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật, chuyên đổi số)
8.2. Tuyển dụng CBCC có chuyên môn, kinh nghiệm	0-1	Kiểm tra quy trình, kết quả tuyển dụng	Hồ sơ tuyển dụng, quyết định tuyển dụng
8.3. Phân công, sử dụng CBCC đúng năng lực	0-1	Xem xét đối chiếu giữa tiêu chuẩn công việc theo vị trí việc làm với năng lực chuyên môn của CBCC và việc phân công nhiệm vụ	Đề án vị trí việc làm; hồ sơ CBCC (bảng cấp, chứng chỉ, lý lịch khoa học); quyết định hoặc bảng phân công nhiệm vụ
8.4. Điều chỉnh nhân sự phù hợp yêu cầu nhiệm vụ	0-1	Xem xét báo cáo đánh giá hiệu quả các nhiệm vụ và hồ sơ minh chứng việc điều chỉnh nhân sự phù hợp yêu cầu nhiệm vụ	Báo cáo đánh giá hiệu quả các nhiệm vụ; Quyết định điều động, bổ nhiệm.

Tiêu chí 9. Đào tạo, bồi dưỡng về KHCN-ĐMST-CĐS cho CBCC (0 - 2 điểm)

Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Phương pháp đánh giá	Bằng chứng đánh giá
9.1. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng định kỳ về KHCN-ĐMST-CĐS	0-1	Kiểm tra kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng
9.2. Tỷ lệ cán bộ, công chức được đào tạo về KHCN-ĐMST-CĐS	0-1	Kiểm tra hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng CBCC. Xác định tỷ lệ CBCC được đào tạo, bồi dưỡng về KHCN-ĐMST-CĐS	Hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng CBCC

Tiêu chí 10. Giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KH-CN-ĐMST-CĐS (0 - 4 điểm)

Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Phương pháp đánh giá	Bằng chứng đánh giá
10.1. Lập kế hoạch giám sát, kiểm tra định kỳ	0-1	Kiểm tra kế hoạch, lịch kiểm tra	Kế hoạch kiểm tra; quyết định thành lập đoàn kiểm tra; lịch kiểm tra
10.2. Thực hiện giám sát, kiểm tra đúng kế hoạch	0-1	ĐỐI CHIẾU thực tế với kế hoạch	Biên bản kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra
10.3. Phát hiện, xử lý kịp thời các vấn đề, vướng mắc	0-1	Đánh giá số lượng, chất lượng xử lý	Biên bản họp xử lý; quyết định xử lý; báo cáo xử lý
10.4. Báo cáo kết quả giám sát, kiểm tra đầy đủ, kịp thời	0-1	Kiểm tra báo cáo, thời gian nộp báo cáo	Báo cáo giám sát; biên bản họp tổng kết

Tiêu chí 11. Xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KH-CN-DMST-CDS (0 - 4 điểm)

Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Phương pháp đánh giá	Bằng chứng đánh giá
11.1. Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá rõ ràng, toàn diện	0-1	Kiểm tra toàn diện và cụ thể từng tiêu chí trong Bộ tiêu chí đánh giá	Văn bản ban hành công bố áp dụng Bộ tiêu chí đánh giá
11.2. Áp dụng tiêu chí vào đánh giá CBCC	0-1	Kiểm tra việc áp dụng Bộ tiêu chí đánh giá được công bố áp dụng vào trong hoạt động đánh giá CBCC	Bộ tiêu chí đánh giá; biên bản đánh giá CBCC; báo cáo kết quả đánh giá
11.3. Sử dụng kết quả đánh giá làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng	0-1	Kiểm tra đối chiếu kết quả đánh giá dựa trên Bộ tiêu chí và kết quả bình xét thi đua, khen thưởng	Bộ tiêu chí đánh giá; biên bản xét thi đua, khen thưởng; hồ sơ khen thưởng
11.4. Cập nhật, hoàn thiện tiêu chí theo thực tiễn	0-1	Đánh giá sự thay đổi, cập nhật tiêu chí	Bộ tiêu chí được cập nhật và công bố áp dụng

Tiêu chí 12. Phát động phong trào thi đua về KHCN-ĐMST-CĐS (0 - 4 điểm)

Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Phương pháp đánh giá	Bằng chứng đánh giá
12.1. Lập kế hoạch phát động phong trào thi đua	0-1	Kiểm tra việc xây dựng và ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua	Kế hoạch phong trào thi đua được ban hành
12.2. Tổ chức hoạt động thi đua, sáng kiến đổi mới	0-1	Đánh giá số lượng, chất lượng hoạt động	Báo cáo tổng kết hoạt động, danh sách sáng kiến
12.3. Biểu dương, khen thưởng kịp thời	0-1	Kiểm tra hồ sơ khen thưởng	Quyết định khen thưởng, danh sách cá nhân, tập thể được khen
12.4. Đánh giá hiệu quả phong trào thi đua	0-1	Khảo sát, phỏng vấn CBCC	Phiếu khảo sát; báo cáo tổng kết phong trào thi đua

Tiêu chí 13. Xử lý cá nhân, cơ quan, tổ chức để xảy ra chậm trễ, thiếu trách nhiệm (0 - 4 điểm)

Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Phương pháp đánh giá	Bằng chứng đánh giá
13.1. Phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm	0-1	Kiểm tra số vụ việc phát hiện, thời gian phát hiện	Biên bản kiểm tra; báo cáo phát hiện
13.2. Xử lý nghiêm minh, kịp thời theo quy định	0-1	Đối chiếu quyết định xử lý với quy định	Biên bản họp xử lý; quyết định xử lý
13.3. Công khai kết quả xử lý	0-1	Kiểm tra thông báo công khai kết quả	Thông báo công khai kết quả xử lý
13.4. Rút kinh nghiệm, điều chỉnh quy trình, quy chế	0-1	Kiểm tra biên bản họp rút kinh nghiệm, văn bản điều chỉnh	Biên bản họp; văn bản điều chỉnh quy trình, quy chế

Tiêu chí 14. Phối hợp triển khai nhiệm vụ phát triển KH-CN-ĐMST-CĐS (0 - 4 điểm)

Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Phương pháp đánh giá	Bằng chứng đánh giá
14.1. Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan trong triển khai nhiệm vụ phát triển KH-CN-ĐMST-CĐS	0-1	Kiểm tra sự chủ động trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ	Biên bản phối hợp; hợp đồng hợp tác
14.2. Tham gia chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ phát triển KH-CN-ĐMST-CĐS	0-1	Đánh giá số lượng, kết quả tham gia	Danh sách các nhiệm vụ phát triển KH-CN-ĐMST-CĐS tham gia; Báo cáo kết quả tham gia chủ trì/phối hợp thực hiện nhiệm vụ
14.3. Giải quyết kịp thời bất cập, vướng mắc trong phối hợp triển khai nhiệm vụ phát triển KH-CN-ĐMST-CĐS	0-1	Đánh giá thời gian, hiệu quả giải quyết vấn đề bất cập, vướng mắc trong phối hợp	Biên bản họp xử lý vấn đề bất cập, vướng mắc; Báo cáo kết quả xử lý vấn đề
14.4. Báo cáo kết quả định kỳ, đầy đủ về số lượng, chất lượng phối hợp triển khai nhiệm vụ phát triển KH-CN-ĐMST-CĐS	0-1	Kiểm tra đối chiếu báo cáo số lượng, chất lượng công tác phối hợp với kết quả thực tế	Biên bản họp tổng kết công tác phối hợp; báo cáo kết quả phối hợp kèm tài liệu minh chứng về kết quả/sản phẩm phối hợp

Tiêu chí 15. Học tập và ứng dụng thành tựu, kinh nghiệm quốc tế (0 - 4 điểm)

Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Phương pháp đánh giá	Bằng chứng đánh giá
15.1. Chủ động học tập kinh nghiệm quốc tế	0-1	Kiểm tra số lượng, chất lượng hoạt động học tập	Báo cáo học tập, tài liệu hội thảo quốc tế
15.2. Đề xuất, chỉ đạo ứng dụng thành tựu, kinh nghiệm mới	0-1	Đánh giá hoạt động đề xuất, chỉ đạo ứng dụng thành tựu, kinh nghiệm mới phù hợp với thực tiễn và điều kiện của cơ quan, tổ chức	Các đề xuất (Đề án, đề tài, dự án) ứng dụng thành tựu, kinh nghiệm quốc tế
15.3. Đánh giá hiệu quả ứng dụng kinh nghiệm quốc tế	0-1	Khảo sát, phỏng vấn CBCC, đối tác	Phiếu khảo sát; báo cáo kết quả ứng dụng thành tựu, kinh nghiệm quốc tế
15.4. Cập nhật, điều chỉnh chiến lược phát triển	0-1	Kiểm tra văn bản cập nhật, điều chỉnh	Văn bản điều chỉnh, kế hoạch mới ban hành

Tiêu chí 16. Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ (0 - 4 điểm)

Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Phương pháp đánh giá	Bằng chứng đánh giá
16.1. Lập kế hoạch báo cáo định kỳ theo quy định	0-1	Kiểm tra kế hoạch báo cáo	Kế hoạch báo cáo, lịch trình báo cáo
16.2. Báo cáo đầy đủ, đúng hạn	0-1	Đối chiếu thời gian nộp báo cáo	Báo cáo gửi Bộ KH&CN; thông tin minh chứng thời gian nộp báo cáo
16.3. Báo cáo phản ánh trung thực, chính xác kết quả	0-1	Đánh giá nội dung, đối chiếu với thực tế	Báo cáo kết quả; biên bản xác nhận thực tế
16.4. Phản hồi, điều chỉnh kế hoạch dựa trên kết quả báo cáo	0-1	Kiểm tra văn bản điều chỉnh, kế hoạch mới	Văn bản điều chỉnh, kế hoạch cập nhật

II. HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI ÁP DỤNG BỘ TIÊU CHÍ

1. Hướng dẫn tổng hợp điểm và đánh giá chung

a) Tổng điểm tối đa: 100 điểm

b) Bảng điểm tổng hợp

STT	Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Ghi chú
1	Nhận thức và quán triệt chủ trương, chính sách			
1.1	Nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về KHCN-ĐMST-CDS	1		
1.2	Chủ động, gương mẫu trong triển khai nhiệm vụ	1		
1.3	Truyền đạt, phổ biến chủ trương, chính sách đến CBCC	1		
1.4	Cập nhật, điều chỉnh nhận thức theo thực tiễn	1		
2	Lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và chịu trách nhiệm kết quả			
2.1	Trực tiếp chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể	10		
2.2	Kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả	10		

STT	Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Ghi chú
2.3	Chịu trách nhiệm trước cấp trên, báo cáo kết quả	10		
2.4	Đánh giá, rút kinh nghiệm, điều chỉnh kế hoạch	10		
3	Xác định nhiệm vụ phù hợp, rõ ràng và khả thi			
3.1	Xác định nhiệm vụ phù hợp với chủ trương, chính sách	1		
3.2	Rõ ràng về nội dung, mục tiêu, kết quả	1		
3.3	Rõ ràng về trách nhiệm, phân công thực hiện	1		
3.4	Khả thi về nguồn lực, điều kiện thực hiện	1		
4	Tổ chức quán triệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KHCN-ĐMST-CĐS			
4.1	Tổ chức các hội nghị quán triệt, tập huấn	1		
4.2	Đảm bảo CBCC hiểu rõ mục tiêu, nhiệm vụ	1		

STT	Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Ghi chú
4.3	Khuyến khích tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm	1		
4.4	Đánh giá hiệu quả quán triệt, điều chỉnh kịp thời	1		
5	Chỉ đạo rà soát, xây dựng, hoàn thiện văn bản tạo điều kiện cho phát triển KHCN-ĐMST-CĐS			
5.1	Rà soát các văn bản hiện hành	1		
5.2	Xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản	1		
5.3	Tạo điều kiện pháp lý thông thoáng	1		
5.4	Theo dõi, đánh giá tác động của văn bản	1		
6	Đột phá về phát triển KHCN-ĐMST-CĐS			
6.1	Chủ trì xác định các mũi đột phá	1		
6.2	Xây dựng đề án đột phá	1		

STT	Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Ghi chú
6.3	Triển khai thực hiện đề án đột phá hiệu quả	1		
6.4	Đánh giá, báo cáo kết quả, rút kinh nghiệm	1		
7	Bố trí nguồn lực cho phát triển KH-CN-ĐMST-CĐS			
7.1	Bố trí ngân sách phù hợp	1		
7.2	Bố trí nhân lực đủ số lượng, chất lượng	1		
7.3	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng	1		
7.4	Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực	1		
8	Bố trí cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số trong đội ngũ lãnh đạo			
8.1	Tỷ lệ CBCC lãnh đạo có chuyên môn khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số trong đội ngũ lãnh đạo ($\geq 25\%$)	3		
8.2	Tuyển dụng CBCC có chuyên môn, kinh nghiệm	1		

STT	Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Ghi chú
8.3	Phân công, sử dụng CBCC đúng năng lực	1		
8.4	Điều chỉnh nhân sự phù hợp yêu cầu nhiệm vụ	1		
9	Đào tạo, bồi dưỡng về KHCN-ĐMST-CĐS cho CBCC			
9.1	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng định kỳ về KHCN-ĐMST-CĐS	1		
9.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức được đào tạo về KHCN-ĐMST-CĐS	1		
10	Giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KHCN-ĐMST-CĐS			
10.1	Lập kế hoạch giám sát, kiểm tra định kỳ	1		
10.2	Thực hiện giám sát, kiểm tra đúng kế hoạch	1		
10.3	Phát hiện, xử lý kịp thời các vấn đề, vướng mắc	1		

STT	Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Ghi chú
10.4	Báo cáo kết quả giám sát, kiểm tra đầy đủ, kịp thời	1		
11	Xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KHCN-ĐMST-CĐS			
11.1	Xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng, toàn diện	1		
11.2	Áp dụng tiêu chí vào đánh giá CBCC	1		
11.3	Sử dụng kết quả đánh giá làm căn cứ thi đua, khen thưởng	1		
11.4	Cập nhật, hoàn thiện tiêu chí theo thực tiễn	1		
12	Phát động phong trào thi đua về KHCN-ĐMST-CĐS			
12.1	Lập kế hoạch phát động phong trào thi đua	1		
12.2	Tổ chức hoạt động thi đua, sáng kiến đổi mới	1		
12.3	Biểu dương, khen thưởng kịp thời	1		

STT	Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Ghi chú
12.4	Đánh giá hiệu quả phong trào thi đua	1		
13	Xử lý cá nhân, cơ quan, tổ chức để xảy ra chậm trễ, thiếu trách nhiệm			
13.1	Phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm	1		
13.2	Xử lý nghiêm minh, kịp thời theo quy định	1		
13.3	Công khai kết quả xử lý	1		
13.4	Rút kinh nghiệm, điều chỉnh quy trình, quy chế	1		
14	Phối hợp triển khai nhiệm vụ phát triển KH-CN-ĐMST-CĐS			
14.1	Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan trong triển khai nhiệm vụ phát triển KH-CN-ĐMST-CĐS	1		
14.2	Tham gia chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ phát triển KH-CN-ĐMST-CĐS	1		

STT	Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Ghi chú
14.3	Giải quyết kịp thời bất cập, vướng mắc trong phối hợp triển khai nhiệm vụ phát triển KH-CN-ĐMST-CĐS	1		
14.4	Báo cáo kết quả định kỳ, đầy đủ về số lượng, chất lượng phối hợp triển khai nhiệm vụ phát triển KH-CN-ĐMST-CĐS	1		
15	Học tập và ứng dụng thành tựu, kinh nghiệm quốc tế			
15.1	Chủ động học tập kinh nghiệm quốc tế	1		
15.2	Đề xuất, chỉ đạo ứng dụng thành tựu, kinh nghiệm mới	1		
15.3	Đánh giá hiệu quả ứng dụng kinh nghiệm quốc tế	1		
15.4	Cập nhật, điều chỉnh chiến lược phát triển	1		
16	Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ			
16.1	Lập kế hoạch báo cáo định kỳ theo quy định	1		
16.2	Báo cáo đầy đủ, đúng hạn	1		

STT	Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Ghi chú
16.3	Báo cáo phản ánh trung thực, chính xác kết quả	1		
16.4	Phản hồi, điều chỉnh kế hoạch dựa trên kết quả báo cáo	1		
	Tổng cộng	100		

*** Lưu ý:**

- Cột “Điểm đánh giá” điền điểm thực tế sau khi đánh giá từng tiêu chí thành phần.
- Cột “Ghi chú” dùng để ghi nhận nhận xét, bằng chứng nổi bật, hoặc lý do điểm chưa đạt (nếu có).

c) Phân loại kết quả đánh giá trách nhiệm:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Đạt từ 90 điểm trở lên.
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 70 đến dưới 90 điểm.
- Hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 50 đến dưới 70 điểm.
- Không hoàn thành nhiệm vụ: Có tổng điểm đánh giá dưới 50 điểm.

2. Hướng dẫn áp dụng Bộ tiêu chí

a) Chu kỳ đánh giá: Thực hiện đánh giá 6 tháng/lần và tổng kết cuối năm.

b) Phương pháp đánh giá: Kết hợp đánh giá hồ sơ, phỏng vấn, khảo sát, kiểm tra thực tế.

c) Hồ sơ đánh giá bao gồm: Báo cáo tự đánh giá của người đứng đầu; Bảng điểm đánh giá theo 16 tiêu chí; Các bằng chứng, tài liệu minh chứng; Ý kiến đánh giá của các bên liên quan.

d) Xử lý kết quả đánh giá: Kết quả đánh giá theo Bộ tiêu chí được sử dụng và tích hợp vào kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng CBCC theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ; Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 của Chính phủ, như sau:

+ **Bước 1 - Xác định nhiệm vụ:** Kết quả đánh giá theo Bộ tiêu chí được xác định là “kết quả thực hiện một nhiệm vụ trọng tâm” trong năm của người đứng đầu.

+ **Bước 2 - Quy đổi điểm số:** Điểm tổng hợp từ Bộ tiêu chí (thang 100 điểm) sẽ được quy đổi theo tỷ lệ thành điểm thành phần trong “Tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ” (thang 70 điểm) khi đánh giá, xếp loại chất lượng công chức theo Nghị định 335/2025/NĐ-CP. Ví dụ: (Điểm Bộ tiêu chí / 100) x 70 = Điểm thành phần.

+ **Bước 3 - Sử dụng làm minh chứng:** Các bằng chứng, đánh giá chi tiết từ Bộ tiêu chí là căn cứ quan trọng để chấm điểm các “Tiêu chí chung”.

+ **Bước 4 - Liên thông trong xếp loại:** Xếp loại từ Bộ tiêu chí (Xuất sắc, Tốt, Hoàn thành, Không hoàn thành) sẽ là một trong những căn cứ quan trọng để xem xét, quyết định xếp loại chất lượng chung cuối năm. Ví dụ: không hoàn thành nhiệm vụ KHCN-ĐMST-CĐS thì không được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc” chung.

Kết quả đánh giá được sử dụng để xếp loại chất lượng CBCC; Làm căn cứ cho việc bổ nhiệm, đề bạt, khen thưởng; Các trường hợp chưa hoàn thành nhiệm vụ phải có kế hoạch khắc phục cụ thể.

đ) Lưu ý đặc biệt:

- **Tiêu chí 8.1** về tỷ lệ lãnh đạo có chuyên môn khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số trong đội ngũ lãnh đạo ($\geq 25\%$). Đây là tiêu chí có tính chất nền tảng để thực hiện tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KHCN-ĐMST-CĐS và là tiêu chí định lượng duy nhất trong 16 nội dung quy định về trách nhiệm của người đứng đầu được nêu cụ thể trong Quyết định số 970/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, vì vậy người đứng đầu cơ quan phải tuân thủ nghiêm minh theo quy định.

- **Tiêu chí 9.2** Tỷ lệ CBCC được đào tạo, bồi dưỡng về KHCN-ĐMST-CĐS. Mức điểm đánh giá cần tương ứng với tỷ lệ CBCC của cơ quan, đơn vị được đào tạo, bồi dưỡng về KHCN-ĐMST-CĐS. Ví dụ: Tỷ lệ được đào tạo, bồi dưỡng về KHCN-ĐMST-CĐS là 10% thì mức điểm tương ứng là 0,1.

- **Tiêu chí 13** đối với các cơ quan, đơn vị không phát sinh trường hợp vi phạm về chậm trễ, thiếu trách nhiệm trong kỳ đánh giá, thì được xem xét cho điểm tối đa của tiêu chí này (04 điểm). Tuy nhiên, cơ quan, đơn vị cần có minh chứng về việc đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giám sát thường xuyên để không xảy ra vi phạm.

e) Các nguyên tắc đánh giá:

- **Tính khách quan:** Dựa trên bằng chứng, tài liệu cụ thể, không chủ quan;
- **Tính toàn diện:** Đánh giá đầy đủ 16 tiêu chí, không bỏ sót;
- **Tính công khai, minh bạch:** Tiêu chí, phương pháp đánh giá được công khai rõ ràng;
- **Tính động lực:** Kết quả đánh giá tạo động lực cho người đứng đầu cải thiện, nâng cao trách nhiệm;
- **Tính phù hợp:** Phù hợp với đặc thù của từng cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực.